

Bản án số: 26/2022/HSPT

Ngày: 20-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20-01-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 528/2021/TLPT-HS ngày 03-11-2021 đối với bị cáo Phan Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 22-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

Họ và tên: Phan Thanh T, sinh ngày 19-6-1985 tại Quảng Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Ngân hàng TMCP X Việt Nam, C nhánh Quảng Nam - Phòng giao dịch C; con ông Phan P và con bà Thi Thị T; có vợ tên là Doãn Thị Huỳnh H và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 280/2019/HS-PT ngày 13-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 80.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt ngày 09-4-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết S - Công ty Luật T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thanh T ký Hợp đồng lao động với Ngân hàng TMCP X Việt Nam, C nhánh Quảng Nam (Ngân hàng X Quảng Nam). Theo Hợp đồng lao động số 285/HĐLD-QNa.HCNS thì từ ngày 01-12-2011 T được bố trí làm việc tại Phòng giao dịch C (đường P, khối 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) và được giao nhiệm vụ làm các hồ sơ, thủ tục liên quan đến vay vốn, gửi tiết kiệm, mở thẻ ATM trả lương cho khách hàng. Cuối năm 2016, T tham gia cá độ bóng đá, thắng thua bằng tiền qua mạng Internet tại website: bong88.com qua các tài khoản do Ngô Hữu S cung cấp. Trong quá trình cá độ bóng đá, T thua 3.915.052.500 đồng. Do không có tiền trả nợ và bị truy đòi, nên ngày 02-4-2018 T đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tự thú về hành vi đánh bạc và khai nhận có vay mượn tiền của anh Phan Văn H, anh Thi Hoàng E và bà Trần Thị Kim C rồi sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân và cá độ bóng đá.

Quá trình điều tra xác định: Để có tiền cá độ bóng đá và trả nợ, T đã thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Do anh Phan Văn H thường đến Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng giao dịch C làm hồ sơ vay tiền và T là người trực tiếp làm hồ sơ cho anh H, nên hai bên quen biết nhau.

Ngày 16-3-2018, anh Phan Văn H làm thủ tục vay vốn để kinh doanh với số tiền 2.400.000.000 đồng (theo Hợp đồng cho vay số 650081/1870/NHNT.CL với Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng Giao dịch C). Để thực hiện ý định chiếm đoạt tiền của anh H trong khoản tiền vay theo hạn mức tại Ngân hàng chưa giải ngân, T đã đưa ra thông tin là khoản vay 1.100.000.000 đồng của anh H đến kỳ hạn trả nợ (đáo hạn) vào tháng 3-2018, nên chiều ngày 20-3-2018 T đề nghị anh H ký không 02 (hai) Ủy nhiệm chi và 06 (sáu) Giấy nhận nợ. Từ các giấy nhận nợ và ủy nhiệm chi mà anh H đã ký, T sử dụng làm hồ sơ giải ngân tổng số tiền 2.400.000.000 đồng còn lại trong tổng hạn mức vay 4.500.000.000 đồng của anh H vào các thời gian như sau: Ngày 20-3-2018 giải ngân 800.000.000 đồng; ngày 21-3-2018 giải ngân 1.100.000.000 đồng và ngày 26-3-2018 giải ngân 500.000.000 đồng. Đến ngày 26-3-2018 anh H đã được giải ngân hết tổng hạn mức vay trong tháng 3-2018 là 2.400.000.000 đồng, nhưng thực tế anh H chỉ nhận được 1.300.000.000 đồng. Số tiền 1.100.000.000 đồng đã bị T chiếm đoạt bằng cách T ghi vào ủy nhiệm chi không, chuyển số tiền này từ tài khoản tiền vay của anh H vào tài khoản của bà Ngô Thị Bích T (tại Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng giao dịch C) vào ngày 21-3-2018 rồi đề nghị bà T ký sẵn cho T “Giấy rút tiền mặt” từ tài khoản của bà T để T tự rút số tiền này và chiếm đoạt. Sau khi chiếm đoạt tiền, T nói với anh H là Ngân hàng chưa giải ngân kịp và hẹn khi nào giải ngân được thì T sẽ nhận tiền và giao cho anh H.

Để anh Phan Văn H không phát hiện mình chiếm đoạt 1.100.000.000 đồng vào thời điểm trên, nên từ ngày 25-3-2018 đến ngày 29-3-2018 T đã mượn của chị Lê Thị Thanh G (là cán bộ Ngân hàng X Quảng Nam) 530.000.000 đồng và mượn của chị

Phạm Thị Lan C (là cán bộ Ngân hàng X Quảng Nam) 170.000.000 đồng, cùng với tiền cá nhân của T rồi T trực tiếp đem nộp 1.100.000.000 đồng vào tài khoản vay nợ của anh H (được thể hiện tại “Phiếu thu” ngày 29-3-2018 và ngày 30-3-2018) tại Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng giao dịch C để trả nợ gốc khoản vay đến kỳ đáo hạn và tạo ra khoản tiền dư trong hạn mức vay. Sau khi hoàn thành thủ tục đáo hạn khoản tiền vay của anh H tương ứng với số tiền đã chiếm đoạt, T đã sử dụng Ủy nhiệm chi và Giấy nhận nợ còn lại làm thủ tục giải ngân số tiền 1.100.000.000 đồng từ tài khoản vay của anh H chuyển vào tài khoản của ông Doãn Đức C (là cha vợ của Phan Thanh T). T dùng “Giấy rút tiền mặt” mà ông C đã ký không cho T để rút và chiếm đoạt số tiền này rồi đem trả cho chị G và chị C số tiền đã mượn, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân. Khi anh H phát hiện T đã chiếm đoạt tiền của mình và yêu cầu T trả lại thì T thừa nhận hành vi chiếm đoạt và đã trả cho anh H 440.000.000 đồng.

Như vậy, Phan Thanh T đã chiếm đoạt của anh Phan Văn H số tiền 1.100.000.000 đồng vào ngày 21-3-2018 sau khi thực hiện đầy đủ hồ sơ giải ngân tiền vay của anh H tại Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng giao dịch C.

Vụ thứ hai: Anh Thi Hoàng E và Phan Thanh T là bà con trong Tộc bên ngoại. Anh Thi Hoàng E thường đến Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng giao dịch C để giao dịch và Phan Thanh T là người trực tiếp làm các hồ sơ, thủ tục Ngân hàng cho anh E. Những lần trước, anh E có cho T vay tiền làm đáo hạn và T đều trả đúng hạn, nên được anh E tin tưởng. Ngày 28-3-2018, lợi dụng sự tin tưởng của anh E, T nói dối là đang cần 500.000.000 đồng để làm đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng, T hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Anh E đồng ý cho T vay 500.000.000 đồng, trong đó có 200.000.000 đồng tiền mặt và 300.000.000 đồng do T làm hợp đồng vay tiền cho anh E tại Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng giao dịch C. T và anh E có ký Hợp đồng vay tiền với nội dung anh E cho T vay 500.000.000 đồng (lãi suất tự thỏa thuận), mục đích để T làm đáo hạn Ngân hàng và hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền, T không dùng vào việc đáo hạn mà đem tiêu xài, trả nợ và cá độ bóng đá.

Khi ký Hợp đồng mượn tiền, do sợ tốn chi phí công chứng và tin tưởng T nên anh E chỉ yêu cầu T ký vào từng trang của hợp đồng. Đến ngày 04-4-2018, khi biết tin T bị bắt về hành hành vi đánh bạc, sợ T không trả tiền nên anh E đem Hợp đồng mượn tiền này công chứng tại Văn phòng Công chứng Phạm S (nay là Văn phòng Công chứng L; địa chỉ: thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) để chứng thực. Anh E nhiều lần đòi nợ thì T chỉ trả được 40.000.000 đồng. Hiện T còn chiếm đoạt của anh E 460.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 26-3-2018, T nói dối bà Trần Thị Kim C là cần 400.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay cho ông Nguyễn Ngọc V (trú tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam) là em ruột của chồng bà C. Do tin tưởng T làm đáo hạn cho ông V nên bà C đã đồng ý rút tiền trong sổ tiết kiệm ra và đưa cho T vay 400.000.000 đồng (có viết

giấy vay tiền). Tuy nhiên, T chỉ dùng 180.000.000 đồng để đáo hạn cho ông V, số tiền còn lại 220.000.000 đồng T chiếm đoạt để sử dụng vào việc cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân.

Đến thời hạn trả nợ, vào ngày 29-3-2018 T điện thoại cho bà C bảo rằng do hồ sơ sếp chưa ký nên hẹn lại 02 ngày nữa sếp ký, hồ sơ được giải ngân T sẽ chuyển trả cho bà C. Đến ngày 05-4-2018 không thấy T trả tiền, bà C điện thoại cho T đòi nhưng T không nghe điện thoại. Bà C đến Ngân hàng tìm và được biết tin T đang nghỉ phép nên bà C trình bày việc T vay tiền của mình thì Ngân hàng kiểm tra xác nhận T có làm thủ tục đáo hạn cho ông Nguyễn Ngọc V với số tiền 180.000.000 đồng và thu hồi khoản tiền này trả lại cho bà C.

Ngày 30-10-2018 bà C viết đơn tố cáo Phan Thanh T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà C với số tiền 220.000.000 đồng. T đã chủ động tác động gia đình trả cho bà C được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 170.000.000 đồng T hẹn sẽ trả dần cho bà C. Ngày 02-10-2019 bà C rút đơn tố cáo và cam kết tự thỏa thuận với T về số tiền bị chiếm đoạt.

Như vậy, từ ngày 26-3-2018 đến ngày 30-3-2018 để có tiền cá độ bóng đá, trả nợ và tiêu xài cá nhân, Phan Thanh T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối để vay mượn tiền và chiếm đoạt của anh Phan Văn H 1.100.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh Thi Hoàng E 500.000.000 đồng và chiếm đoạt của bà Trần Thị Kim C 220.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 22-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm c, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 41 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phan Thanh T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-4-2020.

Cấm bị cáo hành nghề hoặc làm công việc trong lĩnh vực Ngân hàng trong thời hạn là 03 (ba) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27-9-2021, Phan Thanh T kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 23/2021/QĐ-VKSQN-P2 ngày 05-10-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết “Người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51, không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phan Thanh T trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu giữ nguyên kháng nghị:

Về tố tụng: Ngày 27-9-2021, Phan Thanh T kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngày 05-10-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị phúc thẩm tại Quyết định số 23/2021/QĐ-VKSQN-P2. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Phan Thanh T đánh bạc thua bị truy đòi. Tháng 4/2018 T đến cơ quan Công an tự thú về hành vi đánh bạc. Trong quá trình làm việc T có khai nhận việc vay mượn tiền của các bị hại. Vào các ngày 29/4, 30/10, 19/11/2018 bà C, ông E, ông H có đơn tố cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.800.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo T ban đầu chỉ tự thú về hành vi đánh bạc, chỉ sau khi bị tố cáo về hành vi lừa đảo mới khai nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không chính xác. Như vậy, bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 năm tù là nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Không áp dụng tình tiết “Người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51, không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt tù đối với bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thị Tuyết Sương trình bày: Quan điểm luật sư là không thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, bởi lẽ: Theo quy định của pháp luật thì tự thú là khi hành vi bị cáo chưa bị phát hiện và tự thú về hành vi của mình. Ngày 02/4/2018 bị cáo khai nhận hành vi vay mượn tiền của 3 bị hại, trong khi 3 bị hại chưa tố cáo. Do cơ quan điều tra tách hành vi này, chỉ điều tra, truy tố, xét xử về tội “Đánh bạc”. Như vậy, bị cáo đã tự thú hành vi lừa đảo. Đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thống nhất quan điểm tranh tụng của luật sư.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phan Thanh T kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bị cáo và quyết định kháng nghị là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm, không áp

dụng tình tiết “Người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51, không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại phần tranh luận, Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo và cho rằng quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được 530.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình; ngoài ra, có bị hại là bà Trần Thị Kim C rút đơn tố cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về tội danh:

Do muốn có tiền để cá độ bóng đá, trả nợ và tiêu xài cá nhân; lợi dụng danh nghĩa là cán bộ Ngân hàng X Quảng Nam - Phòng giao dịch C và sự quen biết, Phan Thanh T nói dối với nhiều người là mình cần tiền để làm thủ tục đáo hạn cho khách hàng. Do đó, sau khi nhận tiền của bị hại, Phan Thanh T không đáo hạn Ngân hàng mà dùng để cá độ bóng đá, trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bằng thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 26-3-2018 đến ngày 30-3-2018, Phan Thanh T đã chiếm đoạt tổng số tiền 720.000.000 đồng của 02 bị hại, cụ thể: Chiếm đoạt của bà Trần Thị Kim C 220.000.000 đồng, của anh Thi Hoàng E 500.000.000 đồng. Ngoài ra, Phan Thanh T còn có hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt 1.100.000.000 đồng của anh Phan Văn H thông qua việc nhận hộ khoản vay được Ngân hàng giải ngân, sau đó sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, dẫn đến không có khả năng trả nợ. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Phan Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Do đó, bất kỳ người nào có hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác đều bị trừng trị thích đáng. Phan Thanh T có đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc làm của mình, nhưng vì động cơ vụ lợi và thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội bằng thủ đoạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình và sự tin tưởng của khách hàng để thực hiện hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã

nhận định, đánh giá và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo Điều 51, Điều 52 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, với hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội đối với nhiều người, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian dài là điều cần thiết. Có như vậy mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Cuối năm 2016, Phan Thanh T tham gia cá độ bóng đá được thua bằng tiền qua mạng Internet tại website: bong88.com qua các tài khoản do Ngô Hữu S cung cấp. Trong quá trình cá độ bóng đá, T thua 3.915.052.500 đồng. Do không có tiền trả nợ và bị truy đòi, nên ngày 02-4-2018 T đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tự thú về hành vi đánh bạc và khai nhận có vay mượn tiền của anh Phan Văn H, anh Thi Hoàng E và bà Trần Thị Kim C, nhưng không nhận hành vi chiếm đoạt của anh H, anh E và bà C.

Ngày 29/4/2018, 30/10/2018 và 19/11/2018 anh Phan Văn H, anh Thi Hoàng E và bà Trần Thị Kim C có đơn tố cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.820.000.000đ. Cũng như, đối với anh Phan Văn H thì bị cáo không thừa nhận lừa đảo số tiền 1.100.000.000đ, mà tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị cáo mới thừa nhận hành vi lừa đảo anh H. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không thành khẩn gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Bị cáo đến cơ quan điều tra tự thú về hành vi đánh bạc chứ không tự thú về hành vi lừa đảo các bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là chưa chính xác. Kháng nghị về nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

Về mức hình phạt, xét thấy: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo; số tiền chiếm đoạt bị cáo rất tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính trong gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù là thỏa đáng. Kháng nghị không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt tù đối với bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Phan Thanh T.

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 23/2021/QĐ-VKS-P2 ngày 05-10-2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 22-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm c, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 41 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phan Thanh T 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-4-2020.

Cấm bị cáo hành nghề hoặc làm công việc trong lĩnh vực Ngân hàng trong thời hạn là 03 (ba) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Mai Xuân Thành Trần Minh Tuấn

Trần Quốc Cường